

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**LÊ QUỐC BẢO**

**NGOẠI GIAO GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM (2001 - 2020):**  
**TRƯỜNG HỢP ĐẠI HỌC QUỐC GIA**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế**

**Mã số: 9310601.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**HÀ NỘI - 2023**

**Công trình được hoàn thành tại:**  
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

**Người hướng dẫn khoa học:** 1. PGS.TS. Trần Nam Tiến  
2. TS. Phạm Thị Thu Huyền

**Phản biện:**

**Phản biện:**

**Phản biện:**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ  
họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
vào hồi     giờ     ngày     tháng     năm 2023

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trên thực tế, ngoại giao và giáo dục từ lâu đã có liên hệ mật thiết và đóng vai trò quan trọng trong chiến lược của các quốc gia nhằm mở rộng lợi ích và ảnh hưởng của quốc gia. Ngày nay, dưới tác động của toàn cầu hoá và sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, ngoại giao giáo dục càng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ảnh hưởng quốc tế của một quốc gia. Hàng loạt các thể chế, chương trình được các quốc gia thiết lập có thể được xem là điển hình cho ngoại giao giáo dục như Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ và chương trình trao đổi Fulbright của Hoa Kỳ, các trung tâm của Liên minh Châu Âu, Viện Pháp, Hội đồng Anh, Viện Goethe, Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức, v.v...

Sau hơn 30 năm của công cuộc đổi mới và tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, Việt Nam đã thể hiện được đường lối đối ngoại độc lập, tự tin, tích cực, chủ động để dần vươn lên thể hiện hình ảnh của một quốc gia tầm trung trong quan hệ quốc tế xét theo ba tiêu chí năng lực, chính sách và sự công nhận quốc tế. Trong bối cảnh mới, Việt Nam cần xác định những hướng đi, ưu tiên mới trong lĩnh vực ngoại giao nhằm giúp tiết kiệm nguồn lực quốc gia; đồng thời phát huy được bản sắc và nâng cao hình ảnh và vị thế quốc tế của Việt Nam.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu ngoại giao giáo dục của Việt Nam (2001 - 2020); đặc biệt là nghiên cứu trường hợp của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) là vấn đề cần thiết bởi ngoại giao giáo dục là khái niệm mới được tiếp cận trong quan hệ quốc tế và là vấn đề hoàn toàn mới tại Việt Nam, mang tính thời sự, vừa góp phần thể hiện rõ chủ trương về quan điểm hội nhập toàn diện và sâu rộng và quan

điểm về xây dựng một nền ngoại giao Việt Nam toàn diện nói chung; vừa đánh giá cho đường lối đổi mới hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam theo hướng hội nhập, hiện đại phù hợp với xu thế của giáo dục đại học trên thế giới.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- Mục đích của luận án là phân tích, làm rõ về ngoại giao giáo dục của Việt Nam từ năm 2001 đến 2020, trong đó nghiên cứu trường hợp ĐHQG-HCM như một trường hợp điển hình.

- Để làm sáng tỏ được mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tình hình nghiên cứu ngoại giao giáo dục trên thế giới và tại Việt Nam;
- Các khái niệm và nội hàm của ngoại giao giáo dục; các đặc điểm của ngoại giao giáo dục và bản chất của ngoại giao giáo dục khi đặt trong nghiên cứu với các hình thức ngoại giao khác; từ đó đưa ra một gợi ý mở về phương thức tiếp cận ngoại giao giáo dục hiệu quả cho trường hợp của Việt Nam;
- Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đối với việc tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ngoại giao giáo dục tại Việt Nam;
- Thực tiễn triển khai ngoại giao giáo dục của Việt Nam từ năm 2001 đến 2020;
- Thực tiễn triển khai ngoại giao giáo dục tại ĐHQG-HCM, mối liên hệ và đóng góp của ngoại giao giáo dục tại ĐHQG-HCM vào bức tranh tổng thể ngoại giao giáo dục của Việt Nam;
- Nhận xét và dự báo xu hướng ngoại giao giáo dục của Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Luận án tập trung nghiên cứu về ngoại giao giáo dục của Việt Nam giai đoạn từ 2001 đến 2020. Trong đó, việc nghiên cứu trường hợp ĐHQG-HCM là điểm mới của luận án. Là một chủ thể do Chính phủ thành lập, ĐHQG-HCM cùng ĐHQG Hà Nội có vai trò riêng biệt so với các chủ thể phi nhà nước trong hệ thống giáo dục Việt Nam, mang sứ mệnh tiên phong, dẫn dắt hệ thống giáo dục đại học và thực thi chủ trương, đường lối và chính sách phát triển giáo dục được Đảng và Nhà nước giao phó.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: luận án này được bắt đầu nghiên cứu từ năm 2001 đến năm 2020. Năm 2001 đánh dấu cột mốc quan trọng trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế; gắn liền với quan điểm nhân mạnh tầm quan trọng của phát triển giáo dục và đào tạo gắn liền với phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế. Thực hiện đường lối, chủ trương chung của đất nước, năm 2001 cũng là thời điểm đánh dấu bước ngoặt trong ngoại giao giáo dục của ĐHQG-HCM. Thông qua các kế hoạch chiến lược trung hạn, ngoại giao giáo dục của ĐHQG-HCM dần khởi sắc qua từng giai đoạn và đến năm 2020 đánh dấu năm kết thúc của kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020.

- Về không gian: luận án nghiên cứu thực tiễn ngoại giao giáo dục ở một số quốc gia và đi sâu vào nghiên cứu ngoại giao giáo dục của Việt Nam; đặc biệt là nghiên cứu, đánh giá trường hợp ĐHQG-HCM trong tổng thể ngoại giao giáo dục của Việt Nam.

- Về nội dung: luận án phân tích cơ sở lý luận và các đặc trưng của ngoại giao giáo dục; từ đó đi sâu vào nghiên cứu các chủ trương, chính sách

của Việt Nam trong hội nhập quốc tế và phát triển giáo dục gắn liền với chính sách đối ngoại của đất nước và quá trình thực thi ngoại giao giáo dục của Việt Nam. Luận án tập trung nghiên cứu trong phạm vi giáo dục đại học của Việt Nam vì đây là lĩnh vực trực tiếp tham gia vào hoạt động đối ngoại phục vụ cho hội nhập.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

##### ***4.1. Cách tiếp cận***

- Luận án này sử dụng cách tiếp cận của chủ nghĩa kiến tạo để xem xét vai trò của các yếu tố liên chủ thể như tri thức, văn hoá, giáo dục trong việc tác động đến các định hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung và tạo ra môi trường thuận lợi thúc đẩy ngoại giao giáo dục nói riêng. Ngoài ra, trong một vài vấn đề, luận án cũng sử dụng cách tiếp cận của chủ nghĩa tự do để xem xét vai trò của ĐHQG-HCM trong việc thúc đẩy xây dựng các thể chế hợp tác quốc tế để tạo tiền đề phát triển cho ngoại giao giáo dục. Trong tổng quan sức mạnh quốc gia, giáo dục và ngoại giao giáo dục cũng được xem như hợp phần cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc gia. Trên cơ sở đó, luận án cũng sẽ sử dụng hệ thống lý thuyết của sức mạnh mềm để thể hiện quá trình triển khai ngoại giao giáo dục của Việt Nam, cụ thể là trường hợp ĐHQG-HCM. Luận án cũng sử dụng cách tiếp cận liên ngành, đa ngành nhằm xem xét mối quan hệ kinh tế - chính trị - văn hoá xã hội trong việc thúc đẩy ngoại giao giáo dục của Việt Nam.

##### ***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Luận án áp dụng nhiều phương pháp được lồng ghép linh hoạt nhằm làm nổi bật vấn đề nghiên cứu và tăng tính khoa học cho đề tài như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, các phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế, phương pháp phân tích chính sách, phương pháp nghiên cứu trường hợp, và các phương pháp chung trong nghiên cứu khoa học xã hội và

nhân văn như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... Luận án cũng sử dụng các phương pháp trong các lĩnh vực khác như phân tích kinh tế quốc tế, phân tích chính trị.

## **5. Đóng góp của luận án**

### ***5.1. Đóng góp về mặt khoa học:***

Việc nghiên cứu vấn đề “**Ngoại giao giáo dục của Việt Nam (2001 - 2020): trường hợp Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh**” chưa được nghiên cứu trước đây, do đó việc nghiên cứu thành công vấn đề này sẽ có đóng góp khoa học quan trọng. Cụ thể, luận án cung cấp một bức tranh khá đầy đủ về việc thúc đẩy ngoại giao giáo dục của Việt Nam trong thời gian 2001 đến 2020. Từ đó, những trình bày, phân tích này giúp mang lại một nghiên cứu tổng thể, đầy đủ và toàn diện hơn về ngoại giao giáo dục của Việt Nam. Với các luận chứng được xây dựng trên cơ sở dữ liệu phong phú, luận án sẽ là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng đóng góp cho ngành nghiên cứu quan hệ quốc tế của Việt Nam; đặc biệt là cho những người quan tâm đến ngoại giao kiểu mới, ngoại giao chuyên biệt, ngoại giao giáo dục nói chung và của Việt Nam nói riêng.

### ***5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn:***

Việc sáng tạo và ứng dụng tri thức đóng vai trò quyết định tạo ra của cải vật chất, trở thành động lực chủ yếu của sự tăng trưởng kinh tế và tạo lợi thế cạnh tranh. Hơn bao giờ hết, giáo dục ngày càng trở thành một lĩnh vực và công cụ quan trọng của các quốc gia trong quan hệ quốc tế. Điều này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam. Do đó, nghiên cứu đề tài này sẽ giúp Việt Nam hiểu biết thêm về vai trò của giáo dục như một công cụ để phát triển, hội nhập quốc tế và để thúc đẩy quan hệ đối ngoại của đất nước. Qua đó, Việt Nam có thể chủ động hơn trong việc phát huy những mặt tích cực,

khắc phục những mặt tiêu cực trong ngoại giao giáo dục cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, góp phần vào việc phát triển chính sách đối ngoại toàn diện của Việt Nam nhằm nâng cao tiềm lực, uy tín, vị thế và lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế.

## **6. Cấu trúc của luận án:**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận án sẽ được cấu trúc thành 05 chương chính:

**Chương 1:** Tổng quan tình hình nghiên cứu

**Chương 2:** Cơ sở lý luận và thực tiễn

**Chương 3:** Ngoại giao giáo dục của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2020

**Chương 4:** Ngoại giao giáo dục của Việt Nam - Trường hợp Đại học Quốc gia TP.HCM

**Chương 5:** Nhận xét và dự báo về xu hướng ngoại giao giáo dục của Việt Nam



## **Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về ngoại giao giáo dục trên thế giới**

Tác giả Patti McGill Peterson có bài viết “Diplomacy and Education: A Changing Global Landscape (Ngoại giao và giáo dục: bối cảnh toàn cầu thay đổi)” nêu bật vai trò của giáo dục và trao đổi học thuật trong việc xây dựng các mối quan hệ quốc tế và được mô tả bởi thuật ngữ “sức mạnh mềm”, dựa vào sức mạnh của việc truyền đạt các ý tưởng, văn hóa nhằm tạo ảnh hưởng đối với quan hệ hữu nghị và khuynh hướng của nước khác. Bài viết cũng khẳng định giáo dục đại học là một bộ phận của ngoại giao công chúng và là công cụ lý tưởng để thực thi sức mạnh mềm với một số ví dụ ngoại giao giáo dục điển hình như chương trình Fulbright, Hội đồng Anh, Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức, Viện Không Tử trên khắp thế giới.

Liên quan đến Hoa Kỳ, một trong những quốc gia có nền giáo dục tiên tiến nhất trên thế giới, tác giả George P. Young có bài viết “Education as Diplomacy (Giáo dục như ngoại giao)” [Young, 1962]. Vào thập niên 60 của thế kỷ 20, Hoa Kỳ là nước thiểu số bị thù địch, ngay cả trong phạm vi châu Mỹ. Hoa Kỳ, vì thế, đã thúc đẩy chính sách láng giềng tốt bằng khoản đầu tư hàng triệu đô la Mỹ cho các nước Mỹ Latinh. Một trong những thể chế được Hoa Kỳ chú trọng là việc triển khai các chương trình giáo dục chính thức. Khoảng 300 trường học Bắc Mỹ đã được thành lập cùng với sự gia tăng của các hoạt động thương mại tại khu vực này, đặt tại tất cả hai mươi nước cộng hòa ở Mỹ Latinh. Tuy nhiên, sự mở rộng số lượng của các trường này không mang lại hiệu quả tốt hơn cho mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và các nước Mỹ Latinh bởi nhiều lý do như thiếu trợ cấp, không có định hướng chung cho các mục tiêu liên quan đến quan hệ liên Mỹ.

Trong quan hệ ngoại giao giáo dục của Hoa Kỳ thì châu Âu luôn đóng vai trò đặc biệt. Mối quan hệ này được thể hiện qua nghiên cứu “Higher

Education Diplomacy in Transatlantic Relations: A US Perspective (Ngoại giao giáo dục đại học trong quan hệ xuyên Đại Tây Dương: Một góc nhìn từ Hoa Kỳ)” [Rumbley, 2019]. Từ quan điểm của Hoa Kỳ, quan hệ xuyên Đại Tây Dương trong giáo dục đại học từ lâu đã được đặc trưng bởi mối quan hệ mạnh mẽ - cả lịch sử và đương đại về bản chất. Dù đặc trưng bởi các quan điểm và ưu tiên khác nhau, quan hệ đồng minh thân cận chính là điểm quan trọng cần được xác định và thừa nhận, từ đó được thương lượng một cách xây dựng nhằm tìm kiếm lợi ích của các bên. Từ đó, những động lực tích cực trong mối quan hệ Hoa Kỳ - châu Âu rất cuộc dường như lẫn át tiêu cực. Quan hệ ngoại giao giáo dục của Hoa Kỳ và châu Âu được công nhận bởi rất nhiều thể chế như Chương trình trao đổi sinh viên Erasmus, Viện Giáo dục Quốc tế (IIE), Hiệp hội các Nhà Giáo dục Quốc tế (NAFSA), Chương trình Fulbright tại Hoa Kỳ; Hội đồng Anh, Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức, Chương trình Fulbright-Schuman.

Một nghiên cứu khác về ngoại giao giáo dục của châu Âu có tựa đề “Student-to-Student Diplomacy: Chinese International Students as a Soft-Power Tool (Ngoại giao sinh viên-sinh viên: Sinh viên quốc tế Trung Quốc như một công cụ sức mạnh mềm)”. Nghiên cứu chỉ ra rằng nếu xem sức mạnh mềm là một hình thức quyền lực thật sự, tạo ra một kết quả hành vi nhất định, thì rất khó lập luận trong quan hệ EU-Trung Quốc. Sự khác biệt về văn hóa và chính trị, những định kiến và các rào cản cấu trúc trong hệ thống giáo dục cho thấy kết quả lâu dài về sự thay đổi giá trị và sự tiếp biến văn hóa sau một hoặc hai học kỳ tại một trường đại học nước ngoài là khá hạn chế.

Đối với ngoại giao giáo dục của Nga, bài viết “In search of the status of an educational great power? Analysis of Russia’s educational diplomacy discourse (Tìm kiếm vị thế của một cường quốc giáo dục? Phân tích diễn

ngôn ngoại giao giáo dục của Nga” đề cập đến các diễn ngôn chính thức của Nga về ngoại giao giáo dục. Lý do căn bản để quốc tế hoá giáo dục đại học là mục tiêu chính trị nhằm phục vụ cho các mục tiêu của chính sách đối ngoại. Theo bài viết, trọng tâm của ngoại giao giáo dục được mở rộng bao gồm các hình thức giáo dục xuyên biên giới khác như việc giáo dục đại học xuyên quốc gia, thành lập các cơ sở ở nước ngoài, hướng đến các hoạt động thúc đẩy giáo dục đại học Nga.

Đối với ngoại giao giáo dục Trung Quốc có các nghiên cứu như “Cultural Diplomacy and Internationalization of Higher Education: The Experience of Three Confucius Institutes in Canada (Ngoại giao văn hoá và quốc tế hoá giáo dục đại học: Kinh nghiệm của ba Viện Khổng Tử tại Canada)” của Covina Kwan, “Patterns and views of China’s public diplomacy in ASEAN countries: focusing on Confucius Institutes (Các mô hình và quan điểm về ngoại giao công chúng của Trung Quốc tại các nước Đông Nam Á: tập trung vào các Viện Khổng Tử)” của Motoko Shuto.

Các công trình của Kwan và Shuto đều nêu quan điểm Viện Khổng Tử là công cụ của ngoại giao văn hoá. Cả nghiên cứu của Kwan và Shuto đều cho thấy triển vọng phát triển của Viện Khổng Tử ở Canada và khu vực ASEAN, bắt nguồn từ quan hệ tốt đẹp của Trung Quốc với các đối tác này thông qua các thể chế hợp tác đã xây dựng.

Đối với trường hợp của Iran, tác giả Banikamal có bài viết “Iran’s Educational Diplomacy in the Muslim World: Activities of Al-Mustafa International University in Malaysia and Afghanistan (Ngoại giao giáo dục của Iran trong thế giới Hồi giáo: Hoạt động của Đại học Quốc tế Al-Mustafa ở Malaysia và Afghanistan)”. Nước này chú trọng đến việc sử dụng ngoại giao giáo dục để thực thi chính sách thúc đẩy các giá trị của Hồi giáo Shia trong thế giới Hồi giáo với hai mục tiêu (i) hình thành các sáng kiến

giáo dục và các bộ máy thể chế giáo dục như trường Đại học Quốc tế al-Mustafa (MIU) và các chi nhánh rộng khắp thế giới Hồi giáo đề xuất khâu các giá trị của giáo lý Shia; và quan trọng hơn là (ii) cải cách hệ thống giáo dục cũ kỹ theo các giá trị của giáo lý Shia.

Đối với Hàn Quốc, giáo dục được xem như một công cụ sức mạnh mềm được vận dụng hiệu quả trong quan hệ với Uzbekistan qua công trình “Education as a Soft Power Tool: Korea’s Approach toward Uzbekistan (Giáo dục như một công cụ sức mạnh mềm: Cách tiếp cận của Hàn Quốc đối với Uzbekistan)” của Eriks Varpahovskis. Tác giả nhấn mạnh việc thực thi sức mạnh mềm thông qua giáo dục không tạo ra kết quả tích cực ngay lập tức. Hàn Quốc đã phát triển quan hệ rất chặt chẽ với Uzbekistan trong hơn 25 năm qua và giáo dục là một trong những kênh tích cực và hiệu quả nhất tạo sự gắn kết giữa hai quốc gia giúp Hàn Quốc nổi lên như một trong những đối tác chiến lược quan trọng của Uzbekistan.

Đối với khu vực ASEAN, tác giả Soomro, D. N. , Siddiqui, S. và Khoso, G. M. có nghiên cứu “Achieving Soft Power Goals Through Education Diplomacy by Southeast Asian Nations (Các quốc gia Đông Nam Á đạt các mục tiêu sức mạnh mềm thông qua ngoại giao giáo dục)”. Bài viết đưa ra lập luận về ngoại giao giáo dục của ba quốc gia Đông Nam Á là Brunei Darussalam, Singapore và Malaysia với các ví dụ như Dự án làm giàu ngôn ngữ tiếng Anh (English Language Enrichment Project - ELP) của Brunei Darussalam; việc thành lập các thể chế như Cao đẳng quốc tế Dịch vụ dân sự và Chương trình hợp tác Singapore; các học bổng toàn phần như Học bổng quốc tế Sau đại học (SINGA) và Học bổng Sau đại học của Hiệu trưởng Nanyang (NPGS); hay học bổng quốc tế Malaysia (MIS) nhằm thu hút sinh viên quốc tế tài năng theo học bậc sau đại học tại các trường công lập và tư thục được chính phủ chọn lựa.

## **1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về ngoại giao giáo dục Việt Nam**

Tác giả Zachary Abuza có bài viết “The Politics of Educational Diplomacy in Vietnam: Educational Exchanges under Doi Moi (Các chính sách ngoại giao giáo dục của Việt Nam: Trao đổi giáo dục trong thời kỳ Đổi mới)”. Trong thời kỳ Đổi mới, Việt Nam đã có những quyết định quan trọng trong lĩnh vực giáo dục như cho phép sinh viên được đi học tại các nước phương Tây bằng nguồn tư nhân; Việt Nam nỗ lực gia nhập Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO); ban hành một thông tư về đào tạo sinh viên tại nước ngoài nhằm thể chế hoá các quy định và quy tắc quản lý du học sinh; điều chỉnh Hiến pháp trong đó điều 43 thể hiện “Nhà nước mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực văn hoá, thông tin, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao”; hay ban hành thông cáo quy định điều kiện cho phép sinh viên du học nước ngoài. Bài viết cũng đề cập và nhận định về vấn đề trao đổi ngoại giao giáo dục song phương Hoa Kỳ - Việt Nam trong lộ trình bình thường hoá quan hệ.

## **1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học của Việt Nam**

### ***1.3.1. Nhóm các công trình trong nước***

Dưới góc độ chủ thể nhà nước, trong quan hệ hợp tác Việt Nam – Nhật Bản, tác giả Ngô Hương Lan có bài viết “Hợp tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực giữa Việt Nam và Nhật Bản” đề cập đến hợp tác thông qua các nguồn viện trợ ODA để hỗ trợ cơ sở vật chất, giao lưu sinh viên, các nguồn học bổng và đào tạo cán bộ, tăng cường năng lực quản lý.

Trong quan hệ hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ, tác giả Hà Kim Ngọc có bài viết “Quan hệ hợp tác Việt Nam – Mỹ trong lĩnh vực giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường và nhân đạo”, tác giả Nguyễn Thị Quế, Lê Trọng

Thường có bài viết “Hợp tác giáo dục, đào tạo giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: thành tựu trong 20 năm qua và tiềm năng trong 20 năm tới”, v.v... đề cập đến một số lĩnh vực hợp tác như cấp học bổng, ký kết thỏa thuận hợp tác, hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác khoa học và công nghệ Việt Nam – Mỹ, cấp chứng nhận cho trường Đại học Fulbright Việt Nam.

Đối với quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á, tác giả Trần Xuân Hiệp có bài viết “Hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam – Campuchia trong giai đoạn hiện nay”; tác giả Soulatphone Bounmaphet có bài viết “Hợp tác giáo dục Lào – Việt từ năm 2011 đến nay: thực trạng và giải pháp”; và tác giả Hà Lê Huyền có bài viết “Hợp tác giáo dục – đào tạo giữa các trường đại học của Thái Lan và Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI”.

Ngoài ra, tác giả Trần Thị Tuyết có bài viết “Internationalization of Higher Education in Vietnam: Opportunities and Challenges (Quốc tế hoá giáo dục đại học tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức)” nêu lên quan điểm về toàn cầu hóa và bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đại học; đồng thời, đề cập đến quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam.

Dưới góc độ chủ thể phi nhà nước, tác giả Trần Quốc Tuấn có bài viết “Tỉnh Bình Định đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Nam Lào (2002-2015)” phân tích về công tác hỗ trợ nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Nam Lào. Tác giả Lôi Vĩ Trung có bài viết “Hướng về thế kỷ XXI tăng cường hợp tác giáo dục phi chính phủ giữa Trung Quốc và Việt Nam” đề cập đến tình hình hợp tác giữa Học viện dân tộc Quảng Tây với trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và một số cơ sở giáo dục đại học khác của Việt Nam.

### ***1.3.2. Nhóm các công trình ngoài nước***

Các tác giả Nguyen, D.P., Vickers, M., Ly, T.M.C. và Tran, M.D. có đề tài “Internationalizing Higher Education (HE) in Vietnam Insights from Higher Education leaders – an exploratory study (Quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam dưới nhận thức của các nhà lãnh đạo giáo dục đại học - một nghiên cứu khám phá)” nghiên cứu về quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học ở Việt Nam.

Tác giả Drabble, L.A., Cohen, E., Nguyen, H. và các cộng sự có bài viết “Partnering with Educational Leaders to Advance Social Work Education in Vietnam (Hợp tác với các nhà lãnh đạo giáo dục để thúc đẩy giáo dục công tác xã hội ở Việt Nam)” đưa ra nghiên cứu trường hợp về Dự án Nâng cao Giáo dục Công tác Xã hội (SWEEP), do Đại học bang San Jose State (SJSU), Hoa Kỳ phối hợp với 6 trường đại học tại Việt Nam triển khai.

Tác giả Anthony R. Welch có bài viết “Internationalisation of Vietnamese Higher Education: Retrospect and Prospect (Quốc tế hóa Giáo dục Đại học Việt Nam: Nhìn lại và Triển vọng)” về quá trình quốc tế hóa lâu đời của giáo dục đại học Việt Nam dưới ảnh hưởng của giáo dục Trung Quốc, Pháp, Mỹ, Liên bang Xô Viết qua các thời kỳ.

Ngoài ra, cuốn sách “Internationalisation in Vietnamese Higher Education (Quốc tế hoá giáo dục đại học Việt Nam)” [Tran, L. T., 2018a] do Ly Thi Tran và Simon Marginson chủ biên là một tuyển tập các bài viết liên quan đến quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam, tập trung vào ba khía cạnh nổi bật của quốc tế hóa trong giáo dục đại học Việt Nam: (1) hợp tác quốc tế, chương trình và giáo trình quốc tế hóa; (2) ảnh hưởng quốc tế đối với giáo dục Việt Nam, và (3) trao đổi sinh viên, giảng viên.

#### **1.4. Nhóm các công trình nghiên cứu về hợp tác quốc tế của Đại học Quốc gia**

Có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về hợp tác quốc tế của Đại học Quốc gia. Đối với các nghiên cứu trong nước, tác giả Phạm Quang Minh có bài viết “Promoting European Studies in Vietnam as an Approach to Enhance Vietnam - EU Relations (Thúc đẩy ngành Châu Âu học tại Việt Nam như một cách tiếp cận để tăng cường quan hệ Việt Nam - EU)” sơ lược về mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, những thành tựu nhất định đạt được nhờ vào chính sách Đổi mới của Việt Nam và nỗ lực của Ủy ban Châu Âu và các thành viên của Liên minh Châu Âu.

Tác giả Vũ Ngọc Tú, Nguyễn Phan Quang có bài viết “Vietnam - France Higher Education Systems And University - University Cooperation In Joint Training Programs (Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam - Pháp và Hợp tác đại học - đại học trong các chương trình đào tạo chung)”, đưa ra nhận xét về đặc điểm và các thách thức cho hệ thống giáo dục Pháp và hệ thống giáo dục Việt Nam cũng như dẫn chứng sự phát triển của hợp tác giáo dục Việt – Pháp tại Việt Nam từ đầu thế kỷ 20.

Ngoài ra, tác giả Phan Thị Hồng Xuân có bài viết “Nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế của đại học Việt Nam trong bối cảnh cộng đồng ASEAN, tầm nhìn 2025 (Nghiên cứu trường hợp ĐHQG-HCM, giai đoạn 2021 -2025)”. Bài viết đã điểm lại 5 mục tiêu phát triển giáo dục trong Cộng đồng chung ASEAN; từ đó nêu lên những thành quả hợp tác giáo dục nổi bật của Việt Nam với khối ASEAN.

Nhóm các công trình ngoài nước, nổi bật có nhóm tác giả Cordova, K. E., Furukawa, H., và Yaghi, O. M. có bài viết “The Development of Global Science (Sự phát triển của khoa học toàn cầu)” đưa ra lời giải cho câu hỏi làm thế nào để xây dựng năng lực nghiên cứu toàn cầu và nắm bắt tiềm



năng to lớn của con người nhằm làm nổi bật việc thực hành mô hình cố vấn khoa học (scientific mentoring) có truyền thống lâu đời.

Tác giả Cordova, K. E. và Yaghi, O. M. tiếp tục có bài viết “Building a Global Culture of Science — The Vietnam Experience (Xây dựng văn hoá khoa học toàn cầu - Kinh nghiệm từ Việt Nam)” đưa ra nghiên cứu trường hợp dựa trên kinh nghiệm triển khai mô hình cố vấn toàn cầu (hay khoa học toàn cầu – global science model) tại Việt Nam, cụ thể là tại Đại học Quốc gia TP.HCM.

### **Tiểu kết chương 1 (Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu)**

## **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

### **2.1. Khái niệm và nội hàm của ngoại giao giáo dục**

Đưa ra các khái niệm về ngoại giao giáo dục trên thế giới như một phần của xu hướng “ngoại giao kiểu mới” đang phát triển trong hai thập kỷ qua; qua đó, tổng kết những đặc điểm chung của ngoại giao giáo dục. Từ các khái niệm về ngoại giao giáo dục, luận án sẽ phân tích và làm rõ nội hàm ngoại giao giáo dục trên bốn khía cạnh: (1) mục tiêu, (2) chủ thể tham gia, (3) cách tiếp cận, và (4) phương thức triển khai. Nghiên cứu cũng đặt ngoại giao giáo dục trong lĩnh vực ngoại giao nói chung để làm rõ liên hệ giữa ngoại giao giáo dục với ngoại giao văn hoá và ngoại giao công chúng.

### **2.2. Ngoại giao giáo dục trong hệ thống các lý thuyết quan hệ quốc tế**

Ngoại giao giáo dục cũng được phân tích trong hệ thống các lý thuyết quan hệ quốc tế để làm rõ tầm quan trọng của ngoại giao giáo dục như một công cụ sức mạnh mềm hiệu quả trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay. Dựa trên cơ sở lý thuyết của Chủ nghĩa kiến tạo và Chủ nghĩa Tự do, nghiên cứu cũng xác định lòng tin và hợp tác là hai phạm trù quan trọng, mang tính quyết định trong việc triển khai ngoại giao giáo dục.

### **2.3. Ngoại giao giáo dục từ góc nhìn của Việt Nam**

Trong điều kiện của Việt Nam, ngoại giao giáo dục cần được nhận thức như một hướng đi, ưu tiên mới của chính sách đối ngoại, triển khai trên cơ sở kết hợp ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm đáp ứng bối cảnh mới của thực tiễn ngoại giao hiện đại. Ngoại giao giáo dục nhằm mục tiêu phát triển một nền ngoại giao toàn diện của Việt Nam và phục vụ cho chính sách đối ngoại của Việt Nam, thúc đẩy hợp tác hữu nghị của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác song phương và đa phương, tuyên truyền quảng bá về đất nước, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

### **2.4. Những nhân tố tác động đến ngoại giao giáo dục của Việt Nam**

Thực tiễn bối cảnh quốc tế và khu vực cùng với bối cảnh Việt Nam thời kỳ hội nhập cho thấy những nhân tố khách quan và chủ quan tạo thuận lợi để Việt Nam tự tin thúc đẩy ngoại giao giáo dục. Qua đó, ngoại giao giáo dục là một xu hướng tất yếu và là công cụ hiệu quả hỗ trợ cho việc thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam.

#### **Tiểu kết chương 2**

## **Chương 3. NGOẠI GIAO GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM**

### **GIAI ĐOẠN 2001 - 2020**

#### **3.1. Chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước Việt Nam về hội nhập quốc tế và phát triển giáo dục chính là một bộ phận của ngoại giao giáo dục, tạo nền tảng để các chủ thể nhà nước và phi nhà nước của Việt Nam triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục.

### **3.2. Hoạt động ngoại giao giáo dục phục vụ mục tiêu đối ngoại quốc gia**

Được xác định là một kênh quan trọng trong thực tiễn triển khai ngoại giao giáo dục, các hoạt động ngoại giao Nhà nước được Việt Nam triển khai trong khuôn khổ cơ chế song phương và đa phương qua hoạt động trao đổi đoàn; ký kết các văn bản chính thức ở cấp độ nhà nước; tham gia các cơ chế đa phương thúc đẩy hợp tác giáo dục. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ đào tạo nguồn lực, hỗ trợ nguồn lực đầu tư vào các nước láng giềng và tăng cường các đề án đào tạo cán bộ tại nước ngoài là các hoạt động ngoại giao giáo dục thiết thực nhằm góp phần quảng bá, nâng cao và khẳng định hình ảnh, vị thế của Việt Nam.

### **3.3. Hoạt động ngoại giao giáo dục phục vụ cho mục tiêu nâng cao nội lực và hội nhập quốc tế**

Quá trình hội nhập giáo dục tại Việt Nam đã tạo điều kiện và thúc đẩy các hình thức hợp tác giáo dục được triển khai đa dạng như trao đổi cán bộ - sinh viên - giảng viên, hợp tác đào tạo, hợp tác khoa học công nghệ, công tác đảm bảo chất lượng và xếp hạng đại học và huy động nguồn lực nước ngoài đầu tư vào giáo dục. Việc ngày càng đa dạng về hình thức và nâng cao về chất lượng, tập trung vào các hoạt động hợp tác học thuật và khoa học công nghệ đã giúp Việt Nam thúc đẩy quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội hướng đến hội nhập với trình độ giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới.

### **Tiểu kết chương 3**

## **Chương 4. NGOẠI GIAO GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM - TRƯỜNG HỌC ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM**

### **4.1. Bối cảnh của Đại học Quốc gia TP.HCM**

Sự ra đời của hai ĐHQG là một sự kiện lịch sử, đánh dấu giai đoạn tái cấu trúc và phát triển của hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mở cửa và hội nhập kinh tế toàn cầu. ĐHQG-HCM, từ một mô hình đại học hoàn toàn xa lạ được Chính phủ đặt kỳ vọng và niềm tin rất lớn, nay đã phần nào đáp ứng được kỳ vọng về một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu Việt Nam, xứng tầm khu vực và thế giới.

### **4.2. Chủ trương và chính sách của ĐHQG-HCM về hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo**

ĐHQG-HCM, một chủ thể thuộc Nhà nước, mang trọng trách góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam và nâng cao nội lực của hệ thống ĐHQG-HCM thông qua các chủ trương, chính sách định hướng hợp tác và hội nhập giáo dục riêng của hệ thống.

### **4.3. Hoạt động ngoại giao giáo dục phục vụ mục tiêu đối ngoại quốc gia**

Thông qua các chuyến công tác trong nội bộ ĐHQG-HCM, tham gia các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao của lãnh đạo Chính phủ và lãnh đạo TP.HCM cũng như ký kết các thoả thuận hợp tác song phương với các đối tác giáo dục uy tín trên thế giới với vai trò là một chủ thể thuộc Nhà nước, ngoại giao giáo dục của ĐHQG-HCM cũng gắn liền với các hoạt động ngoại giao Nhà nước nhằm thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục. ĐHQG-HCM cũng thể hiện vai trò là thành viên tích cực trong các cơ chế đa phương. Thông qua việc tham gia các thể chế như ASEA-UNINET, RESCIF, SATU, có thể nhận thấy trọng tâm được ĐHQG-HCM hướng đến là tranh thủ nguồn lực cho công tác nghiên cứu khoa học từ các dự án tài trợ bởi nước ngoài.

#### **4.4. Hoạt động ngoại giao giáo dục phục vụ cho mục tiêu nâng cao nội lực và hội nhập quốc tế**

Ngoại giao giáo dục với các hình thức hợp tác giáo dục đa dạng với các trường đại học, các tổ chức quốc tế trên khắp thế giới đã giúp ĐHQG-HCM thể hiện vai trò đầu tàu trong hội nhập giáo dục, khẳng định vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo Việt Nam và góp phần vào nỗ lực chung của hệ thống giáo dục Việt Nam để từng bước bắt kịp với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới.

#### ***Tiểu kết chương 4***

### **Chương 5. NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO VỀ XU HƯỚNG NGOẠI GIAO GIÁO DỤC CỦA VIỆT NAM**

#### **5.1. Kết quả**

Việc đánh giá, nhận xét về ngoại giao giáo dục Việt Nam cần được xem xét trên cả hai cấp độ Nhà nước và phi Nhà nước, những chủ thể tham gia vào quá trình triển khai ngoại giao giáo dục. Phân tích ngoại giao giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001-2020 có thể thấy những thành quả của ngoại giao giáo dục tuy chưa thật sự tạo chuyển biến mạnh mẽ như kỳ vọng nhưng đã có những bước tiến quan trọng, thúc đẩy nhận thức, quyết tâm ngày càng tích cực và sâu rộng của Đảng, Nhà nước vào công cuộc hội nhập giáo dục; đồng thời, nâng cao nhận thức và niềm tin của nhân dân đối với tiến trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam.

Tuy đạt được sự thăng tiến nhất định, sự phát triển của ngoại giao giáo dục nói riêng và tiến trình hội nhập giáo dục của Việt Nam nói chung vẫn còn bị kìm hãm và tác động tiêu cực từ những hạn chế, yếu kém của nền giáo dục Việt Nam. Những hạn chế cơ bản của giáo dục Việt Nam tập trung ở hai nhóm vấn đề cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư vào giáo dục.

## **5.2. Triển vọng ngoại giao giáo dục Việt Nam**

Ngoại giao giáo dục Việt Nam hứa hẹn sẽ có những bước phát triển với sự thay đổi mạnh mẽ trong công tác lập pháp, công tác xây dựng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục; nguồn lực nước ngoài đầu tư vào Việt Nam; những cải tiến về phương pháp giảng dạy, nội dung đào tạo; sự tăng trưởng của hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, xu hướng tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng và xếp hạng đại học.

## **5.3. Kiến nghị (Gợi ý chính sách)**

Qua nghiên cứu, thực tiễn triển khai ngoại giao giáo dục của Việt Nam thật sự đã mang lại những chuyển biến tích cực trong chất lượng giáo dục của Việt Nam. Tuy nhiên, để nâng chất ngoại giao giáo dục, tạo nên một bước đột phá nhằm đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục, Đảng và Nhà nước cần lưu ý đến các vấn đề sau đây: Thể chế hoá thuật ngữ và nội hàm “ngoại giao giáo dục” tại Việt Nam; Nâng cao ảnh hưởng ngoại giao giáo dục của Việt Nam trong các thể chế đa phương và khu vực; Quy trình lập pháp; Quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học; Đầu tư cho giáo dục đại học; Tự chủ đại học; Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

### ***Tiểu kết chương 5***

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, luận án “Ngoại giao giáo dục của Việt Nam (2001 - 2020): Trường hợp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” đã chứng minh ngoại giao giáo dục là vấn đề mới trong điều kiện nghiên cứu của Việt Nam. Về cơ sở lý luận, ngoại giao giáo dục có liên hệ, gắn bó chặt chẽ với ngoại giao công chúng nói chung và ngoại giao văn hoá nói riêng. Thông qua việc kế thừa, tiếp thu nhận thức từ các nghiên cứu trước đây, luận án đã đóng góp quan trọng trong việc đưa ra một góc nhìn hoàn toàn mới cả về lý luận và thực tiễn, mang tính cập nhật và thời sự về bức tranh ngoại giao giáo dục của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2020 mà chưa có nghiên cứu nào thực hiện. Luận án đã giúp giải quyết các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, luận án đã tiếp cận cơ sở lý luận của ngoại giao giáo dục từ góc độ khái niệm cho đến nội hàm của hình thức ngoại giao này trên các khía cạnh (1) mục tiêu, (2) chủ thể tham gia, (3) cách tiếp cận, và (4) phương thức triển khai. Từ đó, có thể nhận thấy ngoại giao giáo dục là một bộ phận của xu hướng ngoại giao kiểu mới đang phát triển trong vài thập kỷ gần đây. Đặc biệt, khi đặt ngoại giao giáo dục trong nghiên cứu tổng thể với các hình thức ngoại giao khác, ngoại giao giáo dục mang những nét khác biệt với ngoại giao văn hoá và ngoại giao công chúng và nên được xem như một hình thức ngoại giao chuyên biệt cần chú trọng phát triển. Với mục tiêu phục vụ cho chính sách đối ngoại và đảm bảo lợi ích quốc gia, thực tiễn cho thấy ngoại giao giáo dục là một hình thức ngoại giao đa cấp, đa chủ thể và đa phương thức triển khai, được vận dụng như một công cụ sức mạnh mềm hiệu quả trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay. Với những nhân tố thuận lợi từ bối cảnh quốc tế và khu vực cùng với bối cảnh trong nước thời kỳ hội nhập, Việt Nam có năng lực và vị thế quốc tế đủ lớn để vận dụng và thực thi ngoại giao giáo dục như một hướng đi, ưu tiên

mới của chính sách đối ngoại Việt Nam, triển khai trên cơ sở kết hợp ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm đáp ứng bối cảnh mới của thực tiễn ngoại giao hiện đại.

Thứ hai, luận án đã đưa ra một đánh giá khá toàn diện về bức tranh ngoại giao giáo dục Việt Nam nhằm phục vụ cho công cuộc hội nhập quốc tế về giáo dục của Việt Nam và phục vụ cho các mục tiêu chính sách đối ngoại quốc gia. Trên cơ sở lý luận đã xác định, ngoại giao giáo dục của Việt Nam được kết hợp triển khai đồng bộ qua các hoạt động ngoại giao Nhà nước trong các cơ chế song phương và đa phương nhằm thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục; xây dựng hệ thống các chủ trương, chính sách về hội nhập quốc tế và phát triển giáo dục như Luật giáo dục đại học 2012, Nghị quyết 29, Luật Giáo dục đại học 2018 làm nền tảng cho ngoại giao giáo dục phát triển. Ngoài ra, công tác hỗ trợ, đầu tư nguồn lực cho các quốc gia láng giềng cũng như các đề án đào tạo cán bộ tại nước ngoài của Việt Nam cũng góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh, vị thế của một Việt Nam thân thiện, tích cực đóng góp vào quá trình xây dựng môi trường hoà bình, hợp tác, phát triển. Trong bối cảnh nền giáo dục còn nhiều hạn chế, các trường đại học, các cán bộ, giảng viên, sinh viên, nhà nghiên cứu - các chủ thể chính của ngoại giao giáo dục Việt Nam - đã có những đóng góp tích cực vào những thành tựu hợp tác giáo dục của Việt Nam nhằm phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ khoa học công nghệ của quốc gia.

Thứ ba, qua phân tích có thể thấy những quyết sách đúng đắn về việc thành lập hai ĐHQG đã cho thấy những hiệu quả tích cực, phù hợp với nhận thức, chủ trương và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế và hội nhập giáo dục. Với vai trò là một chủ thể thuộc Nhà nước, do Chính phủ thành lập, ĐHQG-HCM đã phần nào đáp ứng được kỳ vọng về



một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu Việt Nam, xứng tầm khu vực và thế giới. Những định hướng, quyết sách phát triển theo định hướng chiến lược mang tính bền vững cùng những thành quả ngoại giao giáo dục của ĐHQG-HCM là điển hình cho thực tiễn vận dụng và triển khai ngoại giao giáo dục của Việt Nam. Tập thể ĐHQG-HCM như một chủ thể thuộc Nhà nước cùng các đơn vị thành viên và trực thuộc và đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên, v.v... đã có những đóng góp tích cực vào bức tranh ngoại giao giáo dục mang tính đa cấp độ, đa chủ thể và đa phương thức của Việt Nam.

Thứ tư, ngoại giao giáo dục của Việt Nam giai đoạn 2001 - 2020 mang lại những chuyển biến tích cực cho hệ thống giáo dục Việt Nam, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển một nền ngoại giao toàn diện, thúc đẩy hợp tác hữu nghị của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác song phương và đa phương, nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy vẫn còn tồn tại những bất cập về cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư vào giáo dục, ngoại giao giáo dục Việt Nam vẫn cho thấy những triển vọng phát triển phù hợp với xu hướng phát triển và tầm quan trọng ngày càng được xác định của ngoại giao giáo dục đối với chính sách đối ngoại và đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.

Với những chủ trương và chính sách đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục gần đây, tự chủ đại học và xu hướng sáp nhập, thành lập các đại học lớn sẽ là các xu hướng chính để nâng tầm ngoại giao giáo dục Việt Nam, hướng đến mục tiêu hội nhập trình độ giáo dục khu vực và quốc tế. Tuy vậy, kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng hệ thống giáo dục chỉ phát triển nhanh và bền vững khi nhận được sự tập trung đầu tư thích đáng. Tự chủ đại học không phải là vấn đề có thể giải quyết nhất thời, cần nhiều nỗ lực, cố gắng và sự chung tay giúp sức của toàn xã hội. Đối với nền giáo dục

đang phát triển như của Việt Nam, ngoài sự nỗ lực các chủ thể phi nhà nước tham gia vào ngoại giao giáo dục, sự chung tay góp sức của toàn xã hội; đặc biệt là sự quan tâm, hỗ trợ đầu tư từ chính phủ bằng nguồn lực, cơ chế sẽ tạo tiền đề phát triển bền vững cho ngoại giao giáo dục. Ngoại giao giáo dục tất yếu sẽ là một hướng đi, ưu tiên mới của chính sách đối ngoại Việt Nam trong tương lai gần. Việc vận dụng và phát huy ngoại giao giáo dục trong bối cảnh mới sẽ góp phần khẳng định thương hiệu quốc gia Việt Nam, giúp quảng bá và nâng cao hình ảnh, vị thế của đất nước, con người Việt Nam trên đường hội nhập.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Le Quoc Bao (2019), “Cooperation between Vietnam National University Ho Chi Minh City and Korea from 2015 up to present”, *Korean Studies: Vietnam - Korea Strategic Cooperative Partnership 2019 - 2019*, pp.192 - 210.
2. Le Quoc Bao (2021), “Vietnam’s education diplomacy in the new situations: International integration and sustainable development”, *The security and development issues in the new situations Vol. II*, pp.41-59.
3. Lê Quốc Bảo (2022), “Ngoại giao giáo dục - Một số vấn đề về lý thuyết”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (3 (112)), tr.61-67.